

Số: 04 /NQ-HĐND

Bắc Thanh Miện, ngày 04 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BẮC THANH MIỆN
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-BKT-NS ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025: 185.247 triệu đồng, trong đó:
 - 1.1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 465 triệu đồng.
 - 1.2. Thuế thu nhập cá nhân: 262 triệu đồng.
 - 1.3. Lệ phí trước bạ: 265 triệu đồng.
 - 1.4. Thu phí, lệ phí: 109 triệu đồng.

- 1.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 182 triệu đồng.
- 1.6. Thu tiền sử dụng đất: 87.010 triệu đồng.
- 1.7. Thu khác ngân sách: 155 triệu đồng.
- 1.8. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 425 triệu đồng.
- 1.9. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 96.374 triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách xã năm 2025: 111.147 triệu đồng, trong đó:
 - 2.1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 372 triệu đồng.
 - 2.2. Thuế thu nhập cá nhân: 210 triệu đồng.
 - 2.3. Lệ phí trước bạ: 265 triệu đồng.
 - 2.4. Thu phí, lệ phí: 109 triệu đồng.
 - 2.5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 182 triệu đồng.
 - 2.6. Thu tiền sử dụng đất: 13.055 triệu đồng.
 - 2.7. Thu khác ngân sách: 155 triệu đồng.
 - 2.8. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 425 triệu đồng.
 - 2.9. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 96.374 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp như sau:

Dự toán chi ngân sách xã năm 2025: 111.147 triệu đồng, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 13.055 triệu đồng.
2. Chi thường xuyên: 94.933 triệu đồng.
3. Dự phòng ngân sách: 3.010 triệu đồng.
4. Tiết kiệm chi theo Nghị quyết số 173/NQ-CP: 149 triệu đồng.

Đối với nguồn chưa phân bổ chi tiết giao UBND cấp xã phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã tại kỳ họp gần nhất.

(Chi tiết theo các biểu kèm theo)

Điều 3. Các biện pháp thực hiện quản lý và điều hành dự toán ngân sách xã năm 2025:

1. Thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý, khai thác tốt các nguồn thu, đặc biệt là các khoản thu có điều kiện tăng thu; phấn đấu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

2. Tăng cường biện pháp chống thất thu. Phân đầu thu ngân sách, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương. Nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động đến tăng giảm nguồn thu, điều chỉnh kịp thời các khoản thu để dự toán sát với thực tế, có giải pháp quyết liệt phân đầu tăng thu ngân sách so với dự toán UBND thành phố giao.

4. Thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng việc. Trong trường hợp hụt thu thì thực hiện cắt giảm các khoản chi tương ứng, ưu tiên kinh phí để chi trả lương, chế độ chính sách, chế độ an sinh xã hội, không để xảy ra nợ chế độ chính sách cho con người.

5. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ chính sách, kỷ luật tài chính.

6. Tập trung nguồn vốn đảm bảo cho các công trình đầu tư công triển khai năm 2025.

7. Thực hiện các khoản chi theo đúng dự toán được giao, ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng căn cứ vào số thu để đảm bảo thực hiện chi phù hợp.

8. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán trong việc sử dụng ngân sách năm 2025.

Điều 4. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bắc Thanh Miện khoá I, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TPHP;
 - Ủy ban nhân dân TPHP;
 - Sở Tư pháp TPHP;
 - Sở Tài chính TPHP;
 - Ban Thường vụ Đảng ủy;
 - TT HĐND xã, UBND xã;
 - TT. UBMTQVN xã;
 - Các Ban HĐND xã;
 - Đại biểu HĐND xã;
 - Phòng Kinh tế xã;
 - Công thông tin điện tử xã;
 - Lưu: VT.
- } Đề B/c

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ BẮC THANH MIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	111,147	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	14,773	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	689	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	14,084	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	96,374	
-	Thu bổ sung cân đối	96,374	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	111,147	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	111,147	
1	Chi đầu tư phát triển	13,055	
2	Chi thường xuyên	95,082	
3	Dự phòng ngân sách	3,010	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 64 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

DỰ THẢO

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ		
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	111,147	
	Trong đó:		
I	Chi đầu tư phát triển	13,055	
1	Chi đầu tư từ tiền đất	13,055	
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	95,082	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	61,897	
	Trong đó: tiền thưởng NĐ73/2024NĐ-CP	873	
2	Chi khoa học và công nghệ		
3	Chi Quốc phòng	763	
4	Chi An ninh trật tự	1,734	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	174	
6	Chi văn hóa thông tin	500	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	273	
8	Chi thể dục thể thao	126	
9	Chi bảo vệ môi trường	95	
10	Chi các hoạt động kinh tế	1,022	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25,190	
	Trong đó: tiền thưởng NĐ73/2024NĐ-CP	694	
	Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP	149	
11	Chi bảo đảm xã hội	3,229	
12	Chi khác	79	
III	Dự phòng ngân sách	3,010	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	Chi viện trợ		
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		

Handwritten signature

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 64 /NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ ATXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	SỰ NGHIỆP CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	DỰ PHÒNG
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN	SỰ NGHIỆP KHÁC					
A	B	1=1+2+...+18+19	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	111,147	61,897	-	763	1,734	174	500	273	126	95	1,022	595	257	170	25,041	3,229	79	149	3,010
I	Chi đầu tư	13,055																	-	-
II	Chi thường xuyên	95,082	61,897	-	763	1,734	174	500	273	126	95	1,022	595	257	170	25,041	3,229	79	149	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	6,083														6,083				
2	Mặt trận Tổ quốc	4,414														4,414				
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	21,259	1,941		763	1,734	174	500	273	126	95	1,022	595	257	170	11,174	3,229	79	149	
4	Trung tâm phục vụ HCC	676														676				
5	Tiền thưởng NĐ73/2024NĐ-CP	3,712	3,018													694				
6	Nguồn chưa phân bổ	2,000														2,000				
7	Chi khối giáo dục	56,938	56,938																	
7.1	Mầm non	19,235	19,235																	
	Hồng Quang	6,654	6,654																	
	Lam Sơn	6,491	6,491																	



877

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ ATXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	SỰ NGHIỆP PCHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	DỰ PHÒNG
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY V	SỰ NGHIỆP KHÁC					
	Lê Hồng	6,090	6,090																	
7.2	Tiểu học	21,080	21,080																	
	Hồng Quang	7,580	7,580																	
	Lam Sơn	6,469	6,469																	
	Lê Hồng	7,031	7,031																	
7.3	THCS	16,623	16,623																	
	Hồng Quang	6,400	6,400																	
	Lam Sơn	5,217	5,217																	
	Lê Hồng	5,006	5,006																	
III	Dự phòng ngân sách xã	3,010																		3,010